| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 239/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12/02/2025.
Về việc "Ly hôn".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC,**
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Danh Đời.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Hương Thủy;

Ông Cao Quốc Hưng.

***- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Nguyễn Trần Kim Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 12 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai Vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 2335/2024/TLST-HNGĐ ngày 22/10/2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2529/2025/QĐXXST-DS ngày 04/02/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Vũ Tuấn D**, sinh năm 1979. Căn cước công dân số: 040079008918. Địa chỉ: 1 Khối B Lô CD Chung cư A, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, (xin vắng mặt).

- *Bị đơn*: Bà **Balas Virginie E**, sinh năm 1981. Địa chỉ: 1 Khối D, Lô J, Khu phố A, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên hệ: B19.08 Chung cư D, số A đường L, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, (xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**:

*- Theo nội dung Đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn ông Vũ Tuấn D trình bày*: Về quan hệ hôn nhân, ông D và bà Balas Virginie E kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân Thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 1916, quyển 10 đăng ký ngày 19/7/2013. Sau khoảng thời gian chung sống, cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể giải hòa, hai người bất đồng quan điểm sống, sau đó hai vợ chồng sống ly thân một thời gian dài cho đến nay. Ông D xác nhận hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Balas Virginie E.

Về con chung: Ông D khai ông và bà Balas Virginie E có 02 người con chung tên Vũ Ân P (sinh ngày 29/7/2014) và Vũ Martin H (sinh ngày 14/11/2017). Ông D yêu cầu Tòa án giao 02 con chung nêu trên cho bà B Virginie Estelle trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung; hai bên tự thỏa thuận việc cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Ông D trình bày hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông D trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

Đồng thời, ông D có đơn yêu cầu không hòa giải đoàn tụ và đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- *Theo nội dung bản tự khai, bị đơn bà Balas Virginie E trình bày*: Bà Balas Virginie E xác nhận những lời trình bày của ông D về thời điểm kết hôn, về mâu thuẫn chung của vợ chồng, về con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Nay ông D yêu cầu ly hôn, bà Balas Virginie E đồng ý ly hôn. Đồng thời, bà Balas Virginie E cũng đồng ý yêu cầu của ông D về việc giao cho bà là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung Vũ Ân P (sinh ngày 29/7/2014) và Vũ Martin H (sinh ngày 14/11/2017); hai bên tự thỏa thuận việc cấp dưỡng cho con. Bà Balas Virginie E cũng yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ.

- *Theo nội dung bản tự khai, hai cháu Vũ Ân P (sinh ngày 29/7/2014) và Vũ Martin H (sinh ngày 14/11/2017) thống nhất trình bày*: Trường hợp cha mẹ hai cháu không còn sống chung với nhau, hai cháu có nguyện vọng được sống cùng M. Ngoài ra, hai cháu không có ý kiến nào khác.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định*:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án: Xét thấy, nguyên đơn - ông Vũ Tuấn D khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn - bà Balas Virginie E, do đó căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp "Ly hôn". Bị đơn có địa chỉ cư ngụ tại thành phố T nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Xét Bản tự khai, Đơn đề nghị không hòa giải đoàn tụ và xin vắng mặt của đương sự đã được thực hiện theo quy định nên đây được xem là chứng cứ hợp pháp của vụ án theo quy định tại Điều 94 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Do nguyên đơn và bị đơn đều có đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết, yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Qua lời trình bày của hai bên và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định nguyên đơn và bị đơn là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 1916, quyển 10 đăng ký ngày 19/7/2013 tại Ủy ban nhân dân Thành phố H. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, hai bên có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân giữa hai bên là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống, hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải hòa, nguyên đơn và bị đơn đã sống ly thân nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, không có sự gắn kết. Do hai người hoàn toàn không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn là có cơ sở. Mặt khác tại bản tự khai, bị đơn cũng đồng ý với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, điều đó thể hiện cả hai bên không có ý muốn đoàn tụ với nhau. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Hai bên có 02 người con chung gồm: Vũ Ân P (sinh ngày 29/7/2014) và Vũ Martin H (sinh ngày 14/11/2017). Nguyên đơn yêu cầu sau khi ly hôn, giao hai con chung cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và hai bên tự thỏa thuận việc cấp dưỡng cho con. Xét thấy, theo bản tự khai ghi nhận ý kiến của con chung trên 7 tuổi, hai cháu Vũ Ân P và Vũ Martin H đều có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Đồng thời, bị đơn cũng thống nhất đồng ý với yêu cầu nêu trên của nguyên đơn, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này của hai bên. Giao hai con chung Vũ Ân P (sinh ngày 29/7/2014) và Vũ Martin H (sinh ngày 14/11/2017) cho bị đơn – bà B Virginie Estelle trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; hai bên tự thỏa thuận việc cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Hai bên xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

**Tuyên xử**:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Vũ Tuấn D.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Tuấn D ly hôn với bà Balas Virginie E.

Quan hệ hôn nhân giữa ông Vũ Tuấn D và bà Balas Virginie E (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 1916, quyển 10 đăng ký ngày 19/7/2013 tại Ủy ban nhân dân Thành phố H) chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Ông Vũ Tuấn D và bà B Virginie Estelle có 02 (hai) người con chung gồm: Vũ Ân P (sinh ngày 29/7/2014) và Vũ Martin H (sinh ngày 14/11/2017). Công nhận sự thỏa thuận giữa ông D và bà B Virginie Estelle về việc giao 02 (hai) người con chung nêu trên cho bà B Virginie Estelle trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ này, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về cấp dưỡng: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Hai bên xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông Vũ Tuấn D phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông D đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0041822 ngày 10/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông D đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền, thời hạn kháng cáo: Ông Vũ Tuấn D, bà Balas Virginie E được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị bản án theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Thủ Đức;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án, (Đ-Kim Anh), 12.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã Ký)*

**Danh Đời**